



**CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT.....	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .....	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.....	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	10



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT.....	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.....	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	10



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch	
Ông Bùi Kỳ Phát	Thành viên	
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên	
Bà Mai Thanh Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2014
Ông Võ Sỹ Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2014
Ông Nông Văn Quyết	Thành viên	
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Bùi Kỳ Phát	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Trương Quang Luyến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Ngô Thị Minh Luận.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trương Quang Luyện**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014



Số: 338/2014/UHY - BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà*  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 15/08/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty, áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và kiểm tra chọn mẫu các tài liệu liên quan đến Báo cáo tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

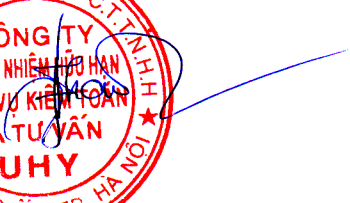
Như nêu tại Thuyết minh số 5 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong khoản mục phải thu khác bao gồm khoản 85.044.850.301 đồng là khoản phải thu liên quan đến vụ việc của đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên Phó Giám đốc thường trực Khối Tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ vay không đúng mục đích, hồ sơ vay giả để chiếm đoạt tiền của Công ty thông qua các giao dịch tại các ngân hàng từ năm 2007 đến năm 2012. Công ty đã nhận được kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra về vụ việc và đối tượng Hoàng Đình Thắng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội đã xét xử sơ thẩm về vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của đối tượng Thắng. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định cuối cùng của Tòa án vì vụ án còn phải tiếp tục xét xử tại phiên tòa phúc thẩm. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cho thấy khả năng đền bù số tiền trên. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản phải thu này cũng như ảnh hưởng của khoản này đến các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty.


Ngoài các vấn đề nêu trên, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào khác ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính xét trên các khía cạnh trọng yếu.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP)

Trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, chúng tôi chưa thể thu thập được bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính đính kèm.



  
Nguyễn Thị Phương Thảo  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHNKT số 0933-2013-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

  
Nguyễn Thị Thu Hà  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHNKT số 2277-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.193.181.845</b>	<b>344.918.353.855</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>21.559.710.856</b>	<b>44.800.526.330</b>
Tiền	111		21.559.710.856	14.800.526.330
Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>447.852.226</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	447.852.226
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>133.133.311.220</b>	<b>143.788.475.921</b>
Phải thu khách hàng	131		63.449.659.749	51.414.203.143
Trả trước cho người bán	132		8.385.196.005	3.018.029.063
Các khoản phải thu khác	135	5	85.317.740.608	90.263.375.161
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(24.019.285.142)	(907.131.446)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>130.096.237.571</b>	<b>154.690.460.453</b>
Hàng tồn kho	141		130.893.822.256	155.488.045.138
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(797.584.685)	(797.584.685)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.403.922.198</b>	<b>1.191.038.925</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		207.583.796	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	1.196.338.402	1.191.038.925
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>545.004.170.472</b>	<b>500.965.284.331</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>137.769.869.420</b>	<b>137.769.869.420</b>
Phải thu dài hạn khác	218	9	137.769.869.420	137.769.869.420
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>351.687.239.144</b>	<b>307.054.241.477</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	68.034.108.933	61.367.389.230
- Nguyên giá	222		132.549.943.534	125.035.431.761
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.515.834.601)	(63.668.042.531)
Tài sản cố định vô hình	227	11	7.638.049.583	6.715.958.973
- Nguyên giá	228		8.314.234.750	7.384.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(676.185.167)	(668.275.777)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	276.015.080.628	238.970.893.274
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>52.293.967.375</b>	<b>52.901.547.745</b>
- Nguyên giá	241		53.467.072.524	53.467.072.524
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.173.105.149)	(565.524.779)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.253.094.533</b>	<b>3.239.625.689</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.286.523.089	2.342.340.609
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		490.909.091	427.272.727
Tài sản dài hạn khác	268	15	475.662.353	470.012.353
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>831.197.352.317</b>	<b>845.883.638.186</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>743.138.581.569</b>	<b>735.752.699.598</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>157.216.640.938</b>	<b>181.136.713.004</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	61.125.262.330	105.140.893.865
Phải trả người bán	312		68.414.931.099	27.405.367.212
Người mua trả tiền trước	313		2.691.318.377	261.799.796
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	3.969.301.766	38.537.367.518
Phải trả người lao động	315		3.403.540.532	4.490.016.092
Chi phí phải trả	316	18	8.290.993.759	52.596.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	7.903.917.648	4.338.642.713
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.417.375.427	910.029.370
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>585.921.940.631</b>	<b>554.615.986.594</b>
Phải trả dài hạn khác	333	20	300.135.823.911	281.247.653.963
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	21	285.786.116.720	273.368.332.631
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>88.058.770.748</b>	<b>110.130.938.588</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>87.958.770.748</b>	<b>110.100.938.588</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	5.104.122.710
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	3.806.130.187
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.623.545.293	12.197.994.369
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>100.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
Nguồn kinh phí	432		100.000.000	30.000.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>831.197.352.317</b>	<b>845.883.638.186</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
Ngoại tệ các loại (USD)		1.116,94	3.573,08

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Tổng Giám đốc



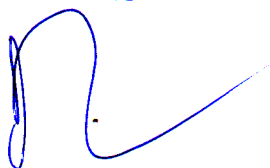
Trương Quang Luyện

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>269.341.634.450</b>	<b>277.910.346.680</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	24	12.795.551.824	11.851.766.763
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>256.546.082.626</b>	<b>266.058.579.917</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>184.810.757.016</b>	<b>198.135.086.574</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>71.735.325.610</b>	<b>67.923.493.343</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	155.207.686	112.334.813
Chi phí tài chính	22	28	3.501.004.247	8.683.327.597
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.265.391.520</i>	<i>8.343.484.498</i>
Chi phí bán hàng	24	29	47.633.907.176	35.664.831.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	6.589.666.772	6.711.112.155
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.165.955.101</b>	<b>16.976.557.334</b>
Thu nhập khác	31	31	1.087.030.563	1.896.362.936
Chi phí khác	32	32	351.004.519	11.367.055.032
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>736.026.044</b>	<b>(9.470.692.096)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.901.981.145</b>	<b>7.505.865.238</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.342.072.216	1.683.840.380
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(63.636.364)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.623.545.293</b>	<b>5.822.024.858</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>1.971</b>	<b>987</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Người lập



**Nguyễn Quang Vũ**

Kế toán trưởng



**Ngô Thị Minh Luận**

Tổng Giám đốc




**Trương Quang Luyến**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/06/2014 VND	đến 30/06/2013 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	271.496.778.194	246.128.733.728
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(155.871.418.631)	(184.481.793.152)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(17.390.954.295)	(20.236.429.905)
Tiền chi trả lãi vay	4	(3.437.464.553)	(8.220.214.596)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(1.749.879.053)	(1.158.940.331)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	25.745.244.322	29.751.216.486
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(61.749.333.537)	(7.238.394.458)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>57.042.972.447</b>	<b>54.544.177.772</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.787.868.598)	(21.015.702.710)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	705.282.729	309.550.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(423.328.752)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	454.719.293	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	155.207.686	103.868.238
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.472.658.890)</b>	<b>(21.025.613.224)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	128.767.574.582	173.963.946.103
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(172.783.206.117)	(216.763.064.881)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(486.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.795.497.496)	(4.550.423.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(46.811.129.031)</b>	<b>(47.835.542.478)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(23.240.815.474)</b>	<b>(14.316.977.930)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>44.800.526.330</b>	<b>19.178.890.027</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>21.559.710.856</b>	<b>4.861.912.097</b>

Người lập



Nguyễn Quang Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Minh Luận

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc




Trương Quang Luyến

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà, tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Stationery Joint Stock Company, tên viết tắt là HONG HA JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Văn Phòng Phẩm Hồng Hà được thành lập theo Quyết định số 383CNn/TCLĐ ngày 29/04/1993 và Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương). Công ty Văn Phòng Phẩm Hồng Hà được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/08/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010462 ngày 28/12/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0100100216 ngày 02/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 02/07/2014, vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu đồng).

Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và có các Chi nhánh và các địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

**Tên chi nhánh**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà (TP Hà Nội) Mã số chi nhánh 0100100216-004

**Địa chỉ**

23-25 đường Yên Thế, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

47 Độc Lập, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tên địa điểm kinh doanh**

- Công ty Cổ phần Văn Phòng Phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2

- Địa điểm kinh doanh số 12  
Mã số địa điểm kinh doanh 00011

- Địa điểm kinh doanh số 13  
Mã số địa điểm kinh doanh 00012

- Địa điểm kinh doanh số 14  
Mã số địa điểm kinh doanh 00013

- Địa điểm kinh doanh số 15  
Mã số địa điểm kinh doanh 00014

- Địa điểm kinh doanh số 06  
Mã số địa điểm kinh doanh 00009

- Địa điểm kinh doanh số 03  
Mã số địa điểm kinh doanh 00006

- Địa điểm kinh doanh số 09  
Mã số địa điểm kinh doanh 00002

**Địa chỉ**

Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 1 – TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ki ốt 31-32 Ga Yên Viên, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Lanmark, tòa nhà Keangnam Tower, số 72 đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Parkson Việt Tower, số 198B Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 375 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 3 TTTM Pico Mall, số 229 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số 22B Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<b>Tên địa điểm kinh doanh</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Địa điểm kinh doanh số 11 Mã số địa điểm kinh doanh 00004	Số 123 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 05 Mã số địa điểm kinh doanh 00008	Số 352 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 07 Mã số địa điểm kinh doanh 00010	Ki ốt 14-15-16-17 B10 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 04 Mã số địa điểm kinh doanh 00007	Tầng 4 TTTM Vincom Galleries, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hà Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2014 là 427 người (tại 30/06/2013 là 436 người)

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
  - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
  - Bán buôn chuyên doanh khác;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
  - May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
  - Hoạt động vui chơi giải trí khác;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
  - Bán buôn đồ uống;
  - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - In ấn;
  - Sản xuất khác;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng Công ty; Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh);
  - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác).
- (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và Báo cáo tài chính năm 2013.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và Báo cáo tài chính năm 2013.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, thể hiện giá trị quyền sử dụng không thời hạn diện tích đất tại số nhà 23 – 25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Quyền sử dụng đất Công ty không thực hiện trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính trong thời gian 03 năm.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê cửa hàng, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty phân bổ trong vòng hai năm.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng văn phòng phẩm, doanh thu cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**3.11 NGOẠI TỆ**

Trong năm, Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BT ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái mua vào của các ngân hàng mà Công ty có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại không được sử dụng để phân chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.

**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM**

Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo quy định của Thông tư này, Công ty không được trích quỹ nữa và ghi nhận chi phí theo thực tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty đang tạm tính thuế TNDN 1% cho khoản tiền nhận vốn góp đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thuận An Building để xây dựng tòa nhà văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam, các Công ty con, Công ty liên doanh liên kết do Tổng Công ty Giấy Việt Nam đầu tư, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, và các cổ đông lớn khác của Công ty. Các thông tin về các Bên liên quan của Công ty được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 37.1.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	476.240.411	685.022.766
Tiền gửi ngân hàng	21.083.470.445	14.115.503.564
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<b>21.559.710.856</b>	<b>44.800.526.330</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	175.955.507	130.784.460
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	85.044.850.301	85.044.850.301
Cổ tức 6 tháng cuối năm 2013 đã tạm ứng	-	4.716.880.000
Phải thu khác	96.934.800	370.860.400
	<b>85.317.740.608</b>	<b>90.263.375.161</b>

(\*) Đây là số tiền được xác định là do đối tượng Hoàng Đình Thắng (nguyên là Phó giám đốc thường trực Khối tài chính của Công ty) đã lập hồ sơ không mang tên Công ty vay ngân hàng và thực hiện chiếm đoạt phục vụ cho mục đích cá nhân. Đối tượng Thắng đã bị cơ quan công an bắt tạm giam. Hiện nay, Công ty đã nhận được kết quả của cơ quan công an điều tra, kết luận rằng đối tượng Hoàng Đình Thắng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội đã xét xử sơ thẩm về vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của đối tượng Thắng. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định cuối cùng của Tòa án vì vụ án còn phải tiếp tục xét xử tại phiên tòa phúc thẩm. Công ty đã sử dụng Lợi nhuận sau thuế và các quỹ để bù đắp khoản nợ phải thu này với số tiền 23.112.153.696 đồng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 cũng đã thông qua kế hoạch sẽ sử dụng lợi nhuận để bù đắp cho khoản chiếm đoạt này trong vòng 02 (hai) năm tới như đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 22.

**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự phòng cho khoản phải thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng (*)	23.112.153.696	-
Dự phòng phải thu cho các đối tượng khác	907.131.446	907.131.446
	<b>24.019.285.142</b>	<b>907.131.446</b>

(\*) Chi tiết tại Thuyết minh số 5

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	905.163.408	2.827.034.029
Nguyên liệu, vật liệu	49.557.458.726	34.978.677.591
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	17.736.853.284	9.480.397.274
Thành phẩm	39.779.438.947	86.518.867.345
Hàng hoá	22.914.907.891	21.683.068.899
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>130.893.822.256</b>	<b>155.488.045.138</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(797.584.685)</b>	<b>(797.584.685)</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho</b>	<b>130.096.237.571</b>	<b>154.690.460.453</b>

(\*) Giá trị nguyên liệu tồn tại xưởng chưa đưa vào sản xuất là 6.722.128.995 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	971.255.902	1.102.334.925
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	225.082.500	88.704.000
	<b><u>1.196.338.402</u></b>	<b><u>1.191.038.925</u></b>

**9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding	137.769.869.420	137.769.869.420
	<b><u>137.769.869.420</u></b>	<b><u>137.769.869.420</u></b>

(\*) Khoản phải thu dài hạn hộ Tổng Công ty Giấy liên quan đến Hợp đồng thuê Văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ngày 8/6/2013 giữa Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding. Theo Hợp đồng này, Tổng Công ty Giấy Việt Nam cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding thuê tầng 1, 2 và 3 (2.040 m2) tòa nhà Tổng Công ty Giấy tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội với tổng giá trị hợp đồng (bao gồm VAT) là 137.769.869.420 đồng, thanh toán làm 3 đợt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2014	59.795.874.425	58.049.627.379	5.234.814.364	1.955.115.593	125.035.431.761
- Mua trong kỳ	-	10.112.565.879	-	177.564.501	10.290.130.380
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.775.618.607)	-	-	(2.775.618.607)
30/06/2014	<u>59.795.874.425</u>	<u>65.386.574.651</u>	<u>5.234.814.364</u>	<u>2.132.680.094</u>	<u>132.549.943.534</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2014	(19.636.432.220)	(38.373.698.814)	(4.277.660.886)	(1.380.250.611)	(63.668.042.531)
- Khấu hao trong kỳ	(1.408.849.482)	(2.002.764.975)	(155.069.400)	(56.726.820)	(3.623.410.677)
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.775.618.607	-	-	2.775.618.607
30/06/2014	<u>(21.045.281.702)</u>	<u>(37.600.845.182)</u>	<u>(4.432.730.286)</u>	<u>(1.436.977.431)</u>	<u>(64.515.834.601)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2014	<u>40.159.442.205</u>	<u>19.675.928.565</u>	<u>957.153.478</u>	<u>574.864.982</u>	<u>61.367.389.230</u>
30/06/2014	<u>38.750.592.723</u>	<u>27.785.729.469</u>	<u>802.084.078</u>	<u>695.702.663</u>	<u>68.034.108.933</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 30.967.059.483 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2014	6.708.372.500	675.862.250	7.384.234.750
- Mua trong kỳ	-	930.000.000	930.000.000
30/06/2014	<u>6.708.372.500</u>	<u>1.605.862.250</u>	<u>8.314.234.750</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2014	-	(668.275.777)	(668.275.777)
- Khấu hao trong năm	-	(7.909.390)	(7.909.390)
30/06/2014	-	<u>(676.185.167)</u>	<u>(676.185.167)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2014	<u>6.708.372.500</u>	<u>7.586.473</u>	<u>6.715.958.973</u>
30/06/2014	<u>6.708.372.500</u>	<u>929.677.083</u>	<u>7.638.049.583</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2014 <u>VND</u>	01/01/2014 <u>VND</u>
Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	276.001.493.628	238.957.306.274
	<u>276.015.080.628</u>	<u>238.970.893.274</u>

(\*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hồng Hà và Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 16). Công trình được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 31/GPXD ngày 16/03/2011 của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội. Tổng diện tích đất 3.173,6 m<sup>2</sup> được sử dụng theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 09/02/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh nội dung điều 1 tại Quyết định số 5106/QĐ-UBND ngày 24/12/2007; Hợp đồng thuê đất số 214-08/HĐTĐTN ngày 12/05/2008; Phụ lục hợp đồng thuê đất số 33/PLHĐTĐ ngày 24/02/2011.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2014	53.467.072.524	53.467.072.524
- Mua trong năm	-	-
30/06/2014	<u>53.467.072.524</u>	<u>53.467.072.524</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2014	(565.524.779)	(565.524.779)
- Khấu hao tăng trong kỳ	(607.580.370)	(607.580.370)
30/06/2014	<u>(1.173.105.149)</u>	<u>(1.173.105.149)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2014	<u>52.901.547.745</u>	<u>52.901.547.745</u>
30/06/2014	<u>52.293.967.375</u>	<u>52.293.967.375</u>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê cửa hàng	370.255.764	597.667.820
Chi phí khuôn mẫu nhà máy nhựa, lắp ráp, kim loại	54.545.455	68.014.200
Chi phí lắp đặt showroom	787.232.682	805.975.409
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	117.682.128	353.046.352
Chi phí trả trước dài hạn khác	956.807.060	517.636.828
	<u>2.286.523.089</u>	<u>2.342.340.609</u>

**15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	475.662.353	470.012.353
	<u>475.662.353</u>	<u>470.012.353</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng</b>	<b>53.710.262.330</b>	<b>95.005.893.865</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	42.092.476.147	76.640.635.867
NH Eximbank - Long Biên (2)	3.272.270.392	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (3)	8.345.515.791	18.365.257.998
<b>Vay ngắn hạn cá nhân (4)</b>	<b>7.415.000.000</b>	<b>10.135.000.000</b>
	<b>61.125.262.330</b>	<b>105.140.893.865</b>

(1) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương, với lãi suất từ 7%- 8,3%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

(2) Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1701 - LDS - 201400236 ngày 17/01/2014 vay NH TMCP XNK Việt Nam, lãi suất 7,5%/năm cố định trong 3 tháng đầu, thời hạn vay 6 tháng.

(3) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Long Biên với lãi suất từ 7,2% - 9%/năm, thời hạn vay 5 tháng.

(4) Các khoản huy động vốn cán bộ công nhân viên trong Công ty, với thời hạn dưới một năm, lãi suất áp dụng trong 6 tháng đầu năm 2014 là 8% - 9%/năm.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	1.214.132.741	37.432.217.624
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.564.812
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.752.089.191	1.089.873.587
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.040.682
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.079.834	8.670.813
	<b>3.969.301.766</b>	<b>38.537.367.518</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	52.596.438
Chi phí khuyến mại	5.718.473.965	-
Chi phí thuê đất tại 25 Lý Thường Kiệt	1.075.559.976	-
Chi phí thuê đất tại 672 Ngô Gia Tự	300.000.000	-
Chi phí vận chuyển	196.959.818	-
Chi phí hội nghị khách hàng	1.000.000.000	-
	<b>8.290.993.759</b>	<b>52.596.438</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	247.984.509	192.785.669
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.727.511.550	4.145.857.044
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.928.421.589	-
	<b>7.903.917.648</b>	<b>4.338.642.713</b>

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (*)(**)	128.245.335.836	128.245.335.836
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building (**)	49.090.909.091	42.727.272.727
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (**)	122.799.578.984	110.275.045.400
	<b>300.135.823.911</b>	<b>281.247.653.963</b>

(\*) Bao gồm 125.245.335.836 đồng là khoản phải trả Tổng Công ty Giấy Việt Nam liên quan đến khoản doanh thu Công ty đã xuất hóa đơn hộ Tổng Công ty Giấy của Hợp đồng thuê Văn phòng số 38/2013/HĐ-TVP ngày 8/6/2013 giữa Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding (như trình bày tại Thuyết minh số 8 và mục thuyết minh dưới đây).

(\*\*) Đây là các khoản góp vốn liên quan đến công trình xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và Giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (trình bày tại Thuyết minh số 12). Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa một bên là Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hồng Hà và Tổng Công ty Giấy Việt Nam với các bên là Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding, cụ thể như sau:

- **Hợp đồng số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008** ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà và Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: Công ty Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tạm tính là 3.932 m<sup>2</sup> các sàn tầng 3, tầng 4, tầng 5 và tầng 6 (mỗi sàn 983 m<sup>2</sup>) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 5 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 5 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản Quyền và nghĩa vụ của các bên nêu trong Hợp đồng thì:

+ Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà được nhận khoản tiền thanh toán từ việc góp vốn đầu tư đồng thời có trách nhiệm đảm bảo cho Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án do Công ty này đầu tư góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)**

+ Công ty CP Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền góp vốn đầu tư; được quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án do Công ty này góp vốn; được hưởng toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh phần công trình dự án đầu tư.

Đến ngày 08/06/2013, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà đã ký hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building thuê văn phòng trong 45 năm đối với diện tích 3.745,7 m<sup>2</sup> các tầng 3,4,5 và 6 Đơn nguyên 1 Tòa nhà Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng số tiền thuê (chưa bao gồm VAT) là 214.142.212.127 đồng.

- **Hợp đồng số 18/2009/HĐHTKD ngày 27/03/2009** ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam (bên A) và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding (bên B): Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác kinh doanh tổng diện tích tạm tính 2.040,17 m<sup>2</sup> bao gồm 3 tầng sàn (tầng 1, tầng 2 và tầng 3) tại tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau ký hợp đồng này và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành lắp đặt thiết bị nội ngoại thất công trình dự án có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản Quyền và nghĩa vụ của các bên nêu trong Hợp đồng thì:

+ Bên A được nhận khoản tiền góp vốn hợp tác đầu tư kinh doanh đồng thời có trách nhiệm đảm bảo cho Bên B được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình dự án đã đầu tư góp vốn. Ngoài ra, sau khi hoàn thành và bàn giao công trình, bên A có trách nhiệm ký Hợp đồng cho thuê Văn phòng đối với phần diện tích sử dụng mà bên B đã đầu tư góp vốn.

+ Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tổng chi phí đầu tư cho Bên A đồng thời được toàn quyền điều hành hoạt động quản lý, khai thác, kinh doanh và định đoạt trong thời hạn 50 năm đối với phần diện tích công trình đã góp vốn, hưởng toàn bộ lợi nhuận phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh phần công trình dự án do bên này góp vốn.

Đến ngày 08/06/2013, Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà và Tổng Công ty Giấy Việt Nam đã ký hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Holding thuê văn phòng trong 45 năm đối với diện tích 2040 m<sup>2</sup> các tầng 1,2,3 Đơn nguyên 2 Tòa nhà Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm tại 25A Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tổng số tiền thuê có thuế VAT là 137.769.869.420 đồng.

- **Hợp đồng số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009** ký giữa Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building: Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần tầng quy mô chiều cao của tòa nhà từ 9 tầng lên 13 tầng để khai thác kinh doanh tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.788,8m<sup>2</sup> bao gồm 2 tầng sàn (tầng 4 và tầng 5) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền và tổng diện tích kinh doanh tạm tính 1.484,4m<sup>2</sup> bao gồm 2 tầng sàn (tầng 7 và tầng 8) tại tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí góc đường Lý Thường Kiệt và Ngô Quyền. Tiến độ góp vốn được chia làm 4 lần, lần đầu ngay sau hoàn thành giai đoạn xin cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng và lần thứ 4 khi Chủ đầu tư hoàn thành công việc xây dựng. Phần diện tích chính xác sẽ được các bên xác định tại thời điểm bàn giao mặt bằng. Theo Điều khoản về "Phân chia quyền lợi" sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào khai thác thì:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)**

+ Công ty CP Đầu tư xây dựng Thuận An Building sẽ được quản lý, sử dụng, khai thác và kinh doanh 50% toàn bộ diện tích công trình dự án tăng thêm;

+ Tổng Công ty Giấy Việt Nam được sử dụng khai thác 50% toàn bộ phần diện tích tăng thêm của Tòa nhà Văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm tại vị trí mặt đường Ngô Quyền (do Tổng Công ty Giấy Việt Nam được quyền sử dụng và khai thác) trong suốt thời hạn của dự án đã được phê duyệt;

+ Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà được sử dụng khai thác 50% toàn bộ diện tích tăng thêm của Tòa nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm nằm ở góc đường Lý Thường Kiệt và đường Ngô Quyền (do Công ty được quyền sử dụng và khai thác) trong suốt thời hạn của dự án đã được phê duyệt.

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building (1)	208.857.220.341	211.313.918.757
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	60.746.552.156	61.452.033.074
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại và Phát triển A&T	-	602.380.800
Công ty TNHH Bình Hạnh Đan/ Ông Bình và Bà Hạnh (3)	16.182.344.223	-
	<u><u>285.786.116.720</u></u>	<u><u>273.368.332.631</u></u>

Khoản doanh thu cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt của Công ty CP Văn phòng phẩm Hồng Hà theo các hợp đồng sau:

(1) Hợp đồng thuê văn phòng số 28/2013/HĐ-TVP ký ngày 08/06/2013 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building: Khu vực thuê: Tầng 3,4,5 và 6 (3.745,7 m<sup>2</sup>); Thời gian thuê: từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 8/7/2057; Tổng tiền thuê chưa thuế GTGT: 214.142.212.127 đồng.

(2) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ký ngày 6/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam: Khu vực thuê: Tầng 1 và Tầng 2 (584m<sup>2</sup>); Thời gian thuê: từ ngày 10/11/2013 đến ngày 8/7/2057; Tổng tiền thuê chưa thuế GTGT là: 61.612.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HD-TVP ngày 12/12/2013 với Ông Nguyễn Phan Quang Bình và Bà Ngô Thị Bích Hạnh - bên thuê ban đầu (Ông Bình và Bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan. Theo đó, thời hạn thuê của Ông Bình và Bà Hạnh là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 với tổng số tiền thuê là chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng; thời hạn thuê của bên thuê bổ sung Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2017 đến 08/07/2057 với giá tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.505.568. Khu vực thuê Tầng 11 (320.5 m<sup>2</sup>).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>01/01/2013</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>12.657.465.867</b>	-	<b>3.010.435.910</b>	<b>16.924.965.542</b>	<b>108.928.092.774</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	12.197.994.369	12.197.994.369
- Trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế (1)	-	-	-	5.104.122.710	795.694.277	(7.491.205.542)	(1.591.388.555)
- Chi trả cổ tức (1)	-	-	-	-	-	(9.433.760.000)	(9.433.760.000)
<b>31/12/2013</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>12.657.465.867</b>	<b>5.104.122.710</b>	<b>3.806.130.187</b>	<b>12.197.994.369</b>	<b>110.100.938.588</b>
<b>01/01/2014</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>12.657.465.867</b>	<b>5.104.122.710</b>	<b>3.806.130.187</b>	<b>12.197.994.369</b>	<b>110.100.938.588</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	11.623.545.293	11.623.545.293
- Chi trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	(9.433.760.000)	(9.433.760.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(1.219.799.437)	(1.219.799.437)
- Giảm khác (3)	-	-	(12.657.465.867)	(5.104.122.710)	(3.806.130.187)	(1.544.434.932)	(23.112.153.696)
<b>30/06/2014</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	-	-	-	<b>11.623.545.293</b>	<b>87.958.770.748</b>

(1) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2013.

(2) Khoản phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014.

(3) Giảm Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu sang tạm trích quỹ dự phòng cho khoản tiền bị chiếm đoạt của đối tượng Hoàng Đình Thắng (cụ thể được thuyết minh tại Thuyết minh số 05) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 cũng đã thông qua kế hoạch sẽ sử dụng lợi nhuận để bù đắp cho khoản chiếm đoạt này trong vòng 02 (hai) năm tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty Giấy Việt Nam	24.500.850.000	24.500.850.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.460.150.000	34.460.150.000
	<b>58.961.000.000</b>	<b>58.961.000.000</b>

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.961.000.000	58.961.000.000
+ Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.795.497.496	9.433.760.000

**22.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2014	01/01/2014
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu thường	5.896.100	5.896.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.5 CÁC QUỸ**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	-	12.657.465.867
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.104.122.710
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.806.130.187
	<b>-</b>	<b>21.567.718.764</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với mục tiêu đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của đơn vị phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với mục tiêu bù đắp các khoản tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc bù đắp các khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014 đã thống nhất trích toàn bộ số dư các quỹ Đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tăng khoản trích lập dự phòng cho khoản chiếm đoạt của đối tượng Hoàng Đình Thắng (Như đã nêu tại Thuyết minh số 5).

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013</b>
	<b>đến 30/06/2014</b>	<b>đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	259.600.252.610	277.185.737.594
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.741.381.840	724.609.086
	<b>269.341.634.450</b>	<b>277.910.346.680</b>

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Từ 01/01/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013</b>
	<b>đến 30/06/2014</b>	<b>đến 30/06/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	10.425.454.174	11.754.098.008
Hàng bán bị trả lại	2.370.097.650	97.668.755
	<b>12.795.551.824</b>	<b>11.851.766.763</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	246.804.700.786	265.333.970.831
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	9.741.381.840	724.609.086
	<b>256.546.082.626</b>	<b>266.058.579.917</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn của hàng bán	184.810.757.016	198.135.086.574
	<b>184.810.757.016</b>	<b>198.135.086.574</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.207.686	94.361.729
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	9.506.509
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.466.575
	<b>155.207.686</b>	<b>112.334.813</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	3.265.391.520	8.343.484.498
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	235.612.727	339.843.099
	<b>3.501.004.247</b>	<b>8.683.327.597</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.878.002.987	5.317.469.414
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	79.204.729	33.720.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	534.256.248	457.774.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.422.343.522	5.776.295.387
Chi phí bằng tiền khác	36.720.099.690	24.079.571.787
	<b>47.633.907.176</b>	<b>35.664.831.070</b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.770.595.699	2.990.602.706
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.975.553	87.770.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.283.388	844.140.354
Thuế, phí, lệ phí	169.350.947	185.125.894
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	343.385.687	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.714.260	1.109.809.788
Chi phí bằng tiền khác	1.792.361.238	1.493.662.594
	<b>6.589.666.772</b>	<b>6.711.112.155</b>

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu tiền nhượng bán thanh lý tài sản cố định	705.282.729	303.454.546
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.541.000.000
Thu nhập khác	381.747.834	51.908.390
	<b>1.087.030.563</b>	<b>1.896.362.936</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	44.212.627
Chi phí giai đoạn 2007-2012 chưa ghi nhận	-	11.267.179.524
Chi phí khác	351.004.519	55.662.881
	<b>351.004.519</b>	<b>11.367.055.032</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.901.981.145</b>	<b>7.505.865.238</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>14.901.981.145</b>	<b>7.505.865.238</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế	14.901.981.145	5.964.861.521
<i>Thuế suất</i>	22%	25%
- Hoàn nhập quỹ nghiên cứu khoa học công nghệ trích từ năm 2011	-	1.541.000.000
<i>Thuế suất (25% x 50%)</i>	0,0%	12,5%
<b>Thu nhập từ khoản nhận tiền góp vốn Hợp tác đầu tư của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thuận An Building tại ngày 30/06/2014</b>	<b>6.363.636.364</b>	<b>-</b>
<i>Thuế suất</i>	1%	1%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>3.342.072.216</b>	<b>1.683.840.380</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.342.072.216</b>	<b>1.683.840.380</b>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân công	16.281.627.229	17.798.116.038
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.155.096.766	90.322.566.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.680.597.545	4.168.129.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.919.511.663	8.218.153.248
Chi phí khác bằng tiền	43.452.450.126	30.264.277.426
	<b>159.489.283.329</b>	<b>150.771.243.031</b>

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**35.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.623.545.293	5.822.024.858
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	5.896.100	5.896.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.971</b>	<b>987</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

**35.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	5.896.100	5.896.100
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>5.896.100</b>	<b>5.896.100</b>

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.559.710.856	44.800.526.330
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	447.852.226
Các khoản phải thu ngắn hạn	63.546.594.549	50.877.932.097
	<b>85.106.305.405</b>	<b>96.126.310.653</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Vay và nợ	61.125.262.330	105.140.893.865
Phải trả người bán	68.414.931.099	27.405.367.212
Chi phí phải trả	8.290.993.759	52.596.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-
	<b>137.831.187.188</b>	<b>132.598.857.515</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(52.724.881.783)</b>	<b>(36.472.546.862)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2013, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD như bảng dưới đây:

	30/06/2014		01/01/2014	
	USD	VND tương đương	USD	VND tương đương
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền gửi ngân hàng	1.116,94	22.641.589	3.573,08	75.338.392
	<b>1.116,94</b>	<b>22.641.589</b>	<b>3.573,08</b>	<b>75.338.392</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
	-	-	-	-
<b>Giá trị ròng</b>	<b>1.116,94</b>	<b>22.641.589</b>	<b>3.573,08</b>	<b>75.338.392</b>

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay với các Ngân hàng thương mại. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì tỷ lệ dư nợ vay hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/06/2014</b>			
Vay và nợ ngắn/dài hạn	61.125.262.330	-	61.125.262.330
Phải trả người bán	68.414.931.099	-	68.414.931.099
Chi phí phải trả	8.290.993.759	-	8.290.993.759
	<b>137.831.187.188</b>	<b>-</b>	<b>137.831.187.188</b>
<b>01/01/2014</b>			
Vay và nợ ngắn/dài hạn	105.140.893.865	-	105.140.893.865
Phải trả người bán	27.405.367.212	-	27.405.367.212
Chi phí phải trả	52.596.438	-	52.596.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-
	<b>132.598.857.515</b>	<b>-</b>	<b>132.598.857.515</b>

Công ty không tồn tại khoản nợ phải trả tài chính nào quá hạn thanh toán tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.559.710.856	-	21.559.710.856
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	63.546.594.549	63.546.594.549
	<b>21.559.710.856</b>	<b>63.546.594.549</b>	<b>85.106.305.405</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.800.526.330	30.000.000.000	44.800.526.330
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	447.852.226	447.852.226
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	50.877.932.097	50.877.932.097
	<b>14.800.526.330</b>	<b>81.325.784.323</b>	<b>96.126.310.653</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro tín dụng (Tiếp)**

	<b>Tổng cộng</b>	<b>Không quá hạn</b>	<b>Quá hạn</b>
	<b>(Giá trị ghi sổ)</b>		
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Không bị suy giảm giá trị</b>	<b>Bị suy giảm giá trị</b>
<b>30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.559.710.856	21.559.710.856	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	63.546.594.549	62.639.463.103	907.131.446
	<b>85.106.305.405</b>	<b>84.199.173.959</b>	<b>907.131.446</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.800.526.330	44.800.526.330	-
Các khoản đầu tư tài chính	447.852.226	447.852.226	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.785.063.543	50.877.932.097	907.131.446
	<b>97.033.442.099</b>	<b>96.126.310.653</b>	<b>907.131.446</b>

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính được xác định là có suy giảm giá trị và dự phòng giảm giá trị liên quan chi tiết như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>30/06/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.559.710.856	-	21.559.710.856
Các khoản phải thu ngắn hạn	63.546.594.549	(907.131.446)	62.639.463.103
	<b>85.106.305.405</b>	<b>(907.131.446)</b>	<b>84.199.173.959</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.800.526.330	-	44.800.526.330
Các khoản đầu tư tài chính	447.852.226	-	447.852.226
Các khoản phải thu ngắn hạn	51.785.063.543	(907.131.446)	50.877.932.097
	<b>97.033.442.099</b>	<b>(907.131.446)</b>	<b>96.126.310.653</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC**

**37.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch với bên liên quan sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>2.068.498.735</b>	<b>2.019.514.715</b>
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	64.162.800	-
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	30.798.110	29.415.110
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	88.949.675	75.753.907
- Công ty Cổ phần in Phúc Yên	1.884.588.150	1.914.345.698
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>21.392.949.555</b>	<b>24.770.656.010</b>
- Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì	-	1.766.018.592
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	18.242.922.232	14.002.870.560
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	1.313.359.950	8.818.230.222
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	67.171.773	183.536.636
- Công ty Cổ phần In Phúc Yên	1.769.495.600	
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc</b>	<b>677.099.144</b>	<b>810.484.035</b>
- Lương và phụ cấp	677.099.144	810.484.035

Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>21.401.804</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	21.401.804	-
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn</b>	<b>20.619.041.286</b>	<b>12.832.748.527</b>
- Chi nhánh - Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	19.758.254.230	11.732.577.587
- Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	860.787.056	1.016.048.314
- Công ty Giấy Tissue Cầu Đuống	-	33.292.000
- Công ty Cổ phần In Phúc Yên	-	50.830.626
<b>Các khoản phải trả dài hạn</b>	<b>128.245.335.836</b>	<b>128.245.335.836</b>
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam	128.245.335.836	128.245.335.836

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**37.2. HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

Công ty đang có các hợp đồng thuê đất kinh doanh như sau:

- (1) Hợp đồng thuê số 55 -2006/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 19/05/2006 ký với bên cho thuê là Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất, và phụ lục hợp đồng số 181/PLHĐTĐ ngày 11/11/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được thuê một khoảnh đất tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, với diện tích là 61.547m<sup>2</sup> (trong đó 50.712m<sup>2</sup> đất đã xây dựng công trình và 10.835m<sup>2</sup> đất để mở đường theo quy hoạch), thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 13/02/2006, số tiền thuê đất được thanh toán hàng năm theo thông báo của Chi Cục thuế quận Long Biên, Hà Nội, tiền thuê đất được thay đổi khi Nhà nước hoặc UBND thành phố Hà Nội có quyết định thay đổi khung giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- (2) Hợp đồng thuê số 19-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 31/01/2000 với bên cho thuê là Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội với Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà (nay là Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà) và hợp đồng số 214-08/ HĐTĐTN ngày 12/05/2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và phụ lục hợp đồng số 33/PLHĐTĐ ngày 24/02/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được thuê 3.194 m<sup>2</sup> đất tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Mục đích thuê để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng mới Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm, thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 09/07/2007. Tiền thuê đất được trả hàng năm nộp tại Chi Cục thuế quận Hoàn Kiếm

**37.3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán và số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm 2013 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Người lập

**Nguyễn Quang Vũ**

Kế toán trưởng

**Ngô Thị Minh Luận**

Tổng Giám đốc



**Trương Quang Luyến**

**UHY** **CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

Trụ sở chính:  
Tầng 9 tòa nhà HL,  
Ngõ 82 đường Duy Tân, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +844 3755 7446  
Fax : +844 3755 7448  
Thành viên hãng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh:  
46 phố Trương Quyền,  
phường 6, quận 3,  
TP . HCM, Việt Nam  
Điện thoại: +848 38204 899  
Fax : +848.38204 909  
[www.uhyvietnam.com.vn](http://www.uhyvietnam.com.vn)